

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Đông Nguyệt;

2. Ông Lê Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỳ Trân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982; Nơi ĐKTT: thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị L sinh năm 1981; Nơi ĐKTT: thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên lạc : Tổ 6, khóm T, xã Q, huyện B, tỉnh . Vắng mặt. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: anh và chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện B, tỉnh V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyền số I/2009 ngày 16/10/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, đã ly thân hơn 03 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/12/2008. Từ ngày vợ chồng xa nhau, con chung do chị L nuôi dưỡng. Do đó ly hôn, anh giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt trong vụ án ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị L trình bày:**

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quốc T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số I/2009 ngày 16/10/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Nay anh T xin ly hôn thì chị thống nhất.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/12/2008. Hiện nay con chung do chị nuôi dưỡng nên ly hôn, xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] II. Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số I/2009 ngày 16/10/2009, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh T yêu cầu ly hôn và chị L cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh

ngày 06/12/2008. Từ ngày vợ chồng xa nhau, con chung do chị L nuôi dưỡng, cũng quen sống với chị L và có nguyện vọng xin ở với chị L. Anh T yêu cầu giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, để con phát triển tốt về thể chất, tinh thần chấp nhận yêu cầu của anh T giao con chung Nguyễn Thanh H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Trần Thị L.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/12/2008 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Quốc T và chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004903 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã Q, huyện B, tỉnh V
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

